

CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT; CHO THUÊ ĐẤT)

XÃ HÀM NINH

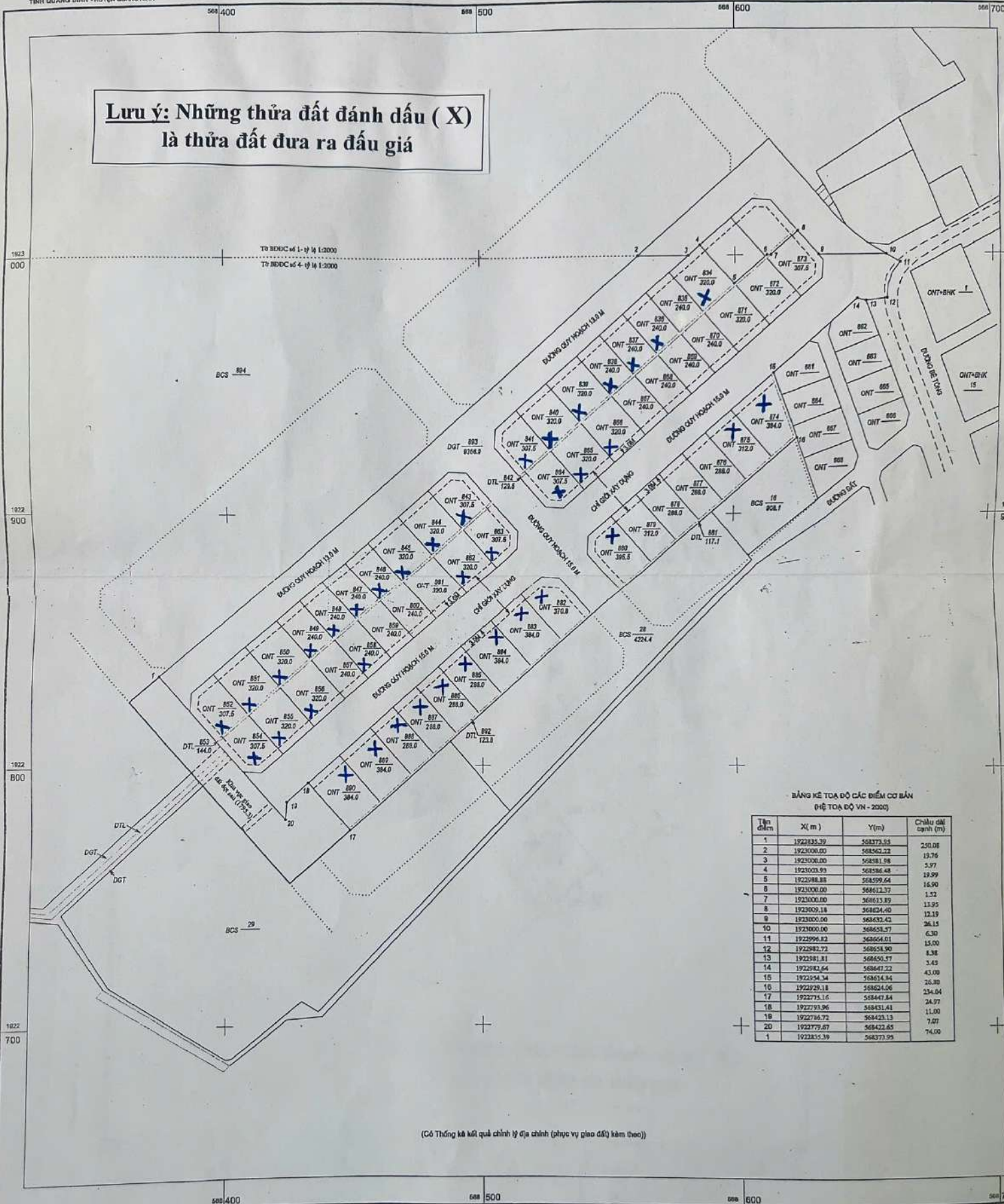
923 567-2 TỜ SỐ 4

TÊN KHU ĐẤT: QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ HÀM HÒA, XÃ HÀM NINH (GIAI ĐOẠN 1 - ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND.....)

THỊNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN QUẢNG NINH

**Lưu ý: Những thửa đất đánh dấu (X)
là thửa đất đưa ra đấu giá**



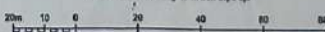
BẢNG KÊ TỌA ĐỘ CÁC BIỂM CƠ BẢN
(HỆ TỌA ĐỘ VN - 2000)

Tên điểm	X (m)	Y (m)	Chiều dài cạnh (m)
1	1922835.39	568373.55	230.08
2	1923006.00	568562.22	13.76
3	1923006.00	568581.96	5.97
4	1923003.93	568586.48	19.99
5	1922988.88	568599.64	16.90
6	1923000.00	568612.37	1.57
7	1923000.00	568613.89	13.95
8	1923009.18	568624.40	12.19
9	1923000.00	568633.42	36.15
10	1923000.00	568635.57	6.30
11	1922996.82	568604.01	13.00
12	1922982.72	568558.90	8.36
13	1922581.81	568650.57	3.45
14	1922582.64	568647.22	43.00
15	192254.34	568614.84	26.30
16	1922929.18	568624.06	234.04
17	1922775.16	568447.84	24.97
18	1922793.96	568431.41	11.00
19	1922786.72	568423.13	7.07
20	1922779.67	568422.65	74.00
1	1922835.39	568373.55	

(Có Thống kê kết quả chính lý địa chính (phục vụ giao đất) kèm theo)

TỶ LỆ 1:1000

1 cm trên bản đồ bằng 10 m trên thực địa



Kiểm tra, ngày 16 tháng 7 năm 2023

ĐƠN VỊ KIỂM TRA
PHÒNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ VẤN THĂM
TRƯỞNG PHÒNG

Duyệt, ngày 21 tháng 7 năm 2023

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT. GIÁM ĐỐC
MÔI TRƯỜNG

Đo vẽ, ngày 8 tháng 7 năm 2023
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
HÀM HÒA



Xác nhận, ngày 3 tháng 7 năm 2023

PHÒNG QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
HÀM NINH



Phạm Trung Kiên

Nguyễn Thành An



CHÍNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT; CHO THUÊ ĐẤT)

XÃ HÀM NINH

926 567-8 TỜ SỐ 1

TÊN KHU ĐẤT: QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ HÀM HÒA, XÃ HÀM NINH (GIAI ĐOẠN 1 - ĐỢT 1)

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND.....)

Lưu ý: Những thửa đất đánh dấu (X)
là thửa đất đưa ra đấu giá

(Có Thống kê kết quả chính lý địa chính (phục vụ giao đất) kèm theo))



BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOA ĐỘ VN - 2000)

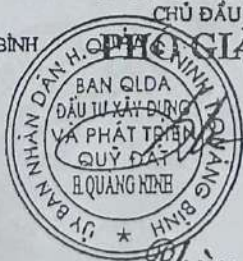
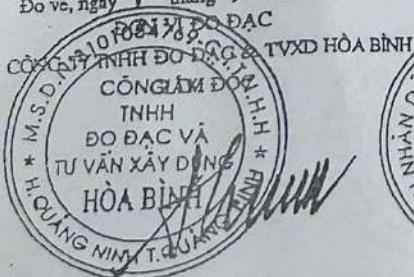
Tên điểm	X(m)	Y(m)	Chiều dài cạnh (m)
1	1923044.71	568613.37	67.93
2	1923000.00	568562.22	19.76
3	1923000.00	568581.98	5.97
4	1923003.93	568586.48	19.99
5	1922988.88	568599.64	16.90
6	1923000.00	568612.37	1.52
7	1923000.00	568613.89	13.95
8	1923009.18	568624.40	12.19
9	1923000.00	568632.42	26.15
10	1923000.00	568658.57	23.25
11	1923014.03	568640.02	40.64
1	1923044.71	568613.37	

Đo vẽ, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Xác nhận, ngày 9 tháng 3 năm 2023

Kiểm tra, ngày 16 tháng 3 năm 2023

Duyệt, ngày 21 tháng 3 năm 2023



CHỦ ĐẦU TƯ
ĐƠN VỊ KIỂM TRA
PHÒNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THĂM
TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH
KIỂM ĐỐC
PHÓ KIỂM ĐỐC



Cải Viết Thiết

Phùng Trung Kiên

Nguyễn Thanh Mai

Hoàng Quốc Việt

CHỈNH LÝ ĐỊA CHÍNH

(PHỤC VỤ GIAO ĐẤT; CHO THUÊ ĐẤT)

XÃ HÀM NINH

923 567-2 TỜ SỐ 4

TÊN KHU ĐẤT: QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU DÂN CƯ HÀM HÒA, XÃ HÀM NINH (GIAI ĐOẠN 1 - ĐỢT 2)

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm..... của UBND.....)

TỈNH QUẢNG BÌNH - HUYỆN QUẢNG NINH

568 400

1922
800

1922
800

BCS 894
36198.0

BCS 29
9724.6

BẢNG KÊ TOA ĐỘ CÁC ĐIỂM CƠ BẢN
(HỆ TOA ĐỘ VN - 2000)

Tên điểm	X(m)	Y(m)	Chiều dài cạnh (m)
1	1922835.39	568373.95	74.00
2	1922779.67	568422.65	7.07
3	1922786.72	568423.13	11.00
4	1922793.96	568431.41	24.97
5	1922775.16	568447.84	30.98
6	1922754.77	568424.52	93.97
7	1922825.52	568362.66	15.00
1	1922835.39	568373.95	

**Lưu ý: Những thửa đất đánh dấu (X)
là thửa đất đưa ra đấu giá**

568 400

Đo vẽ, ngày 21 tháng 8 năm 2023

Xác nhận, ngày 03 tháng 8 năm 2023

Kiểm tra, ngày 7 tháng 8 năm 2023

Duyệt, ngày 15 tháng 8 năm 2023

ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC

CHỦ ĐẦU TƯ ĐẤT

PHÒNG ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VÀ VIỄN THĂM

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH

CÔNG TY TNHH ĐO ĐẠC VÀ TƯ VẤN XÂY DỰNG HÀM BÌNH

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG

KT.GIÁM ĐỐC



Cải Viết Thiết

Phòng Trung Kiên

Nguyễn Thanh Mai

Hoàng Quốc Việt